

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chuy.
2. Bà Phạm Hồng Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:**

Bà Vũ Ngọc Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường xét xử số 3 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 748/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX-ST- ngày 26 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Ngọc Y, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 18, thị trấn CB, huyện CH, tp. Hải Phòng;

Vắng mặt tại phiên tòa(có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Chỗ ở: Tổ 70, Khu 6, phường CX, tp. H, Quảng Ninh;

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Ngọc Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CB, huyện CH, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn, chị Y có chồng (đã chết) còn anh T có vợ nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh T bỏ bê gia đình, không quan tâm đến con cái, không chu cấp tiền cho con ăn học, không về nhà và không có tình cảm với vợ. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh T hiện có quan hệ với người phụ nữ khác, hiện vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 10 năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có một con chung tên là Nguyễn Đức B, sinh ngày 24/9/2006. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định giữa chị và anh T không có nợ ai.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T đều vắng mặt và không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt. Nguyên đơn là chị Vũ Thị Ngọc Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án của HĐXX tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh T có địa chỉ tại: Tổ 70, Khu 6, phường CX, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn là chị Vũ Thị Ngọc Y có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Y.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc Y về hôn nhân: Chị Y và anh T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 quyền số 01/2005 đăng ký ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn CB, huyện CH, thành phố Hải Phòng cấp, nên hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án. Nhưng anh T không đến tòa và cũng không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản lấy lời khai của con chung – cháu Nguyễn Đức B cũng thừa nhận bố mẹ cháu có mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị Y có đơn xin vắng mặt và xác nhận trong đơn xin vắng mặt không còn tình cảm gì với anh T và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Y và anh T là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc chị Y cương quyết ly hôn với anh T là có cơ sở, chấp nhận xử cho chị Vũ Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Đức B - Sinh ngày 24/9/2006, tại thời điểm xét xử cháu đã trên 7 tuổi, vì vậy Tòa án đã tiến hành hỏi nguyện vọng của cháu muốn ở với ai; cháu B theo biên bản lấy lời khai cung cấp cháu muốn ở với mẹ. Trong quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, anh T cố tình không cung cấp quan điểm giải quyết vụ án nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Xét thấy hiện nay, cháu B đang được chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nguyện vọng của chị Y, cháu B và lợi ích của cháu B, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, phát triển về thể chất cũng như tinh thần, cần giao cháu Nguyễn Đức B cho chị Vũ Thị Ngọc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Do anh T vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Chị Y xác định chị Y và anh T không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc Y về việc tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 24/9/2006 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Y đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002244 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. H;
- Chi cục thi hành án dân sự tp. H;
- UBND thị trấn CB, huyện CH, tp. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phương